

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Ông Trương Quang Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C; Địa chỉ: Tòa nhà C, khu B L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Văn T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

1. **Về hôn nhân:** Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Nguyễn Văn N đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T vào ngày 16/12/2002. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, ông N thường xuyên uống rượu và không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Bà **M** thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà **M** yêu cầu Tòa án giải quyết divorces with ông **N**.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh ngày: 24/5/2003, giới tính: nữ và **Nguyễn Thị Yến L**, sinh ngày: 09/9/2006, giới tính: nữ. Bà là người trực tiếp nuôi con chung khi vợ chồng sống ly thân.

Bà **M** yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên **Nguyễn Thị Yến L**, sinh ngày: 09/9/2006, giới tính: nữ và bà **M** không yêu cầu ông **N** cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh ngày: 24/5/2003, giới tính: nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Nợ **Ngân hàng C** thông qua phòng giao dịch **huyện T, tỉnh Long An** số tiền 25.000.000 đồng, hiện nay vợ chồng bà đã trả nợ xong.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn N** vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:

Ông **N** đồng ý ly hôn với bà **Trần Thị M**, ông **N** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Thị Yến L**, sinh ngày: 09/9/2006, giới tính: nữ cho bà **M** trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh ngày: 24/5/2003, giới tính: nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Nợ **Ngân hàng C** thông qua phòng giao dịch **huyện T, tỉnh Long An** số tiền 25.000.000 đồng, hiện nay đã trả nợ xong.

Ngân hàng C trình bày: Bà **M**, ông **N** có vay **Ngân hàng C** thông qua phòng giao dịch **huyện T** số tiền 25.000.000 đồng. Hiện nay, bà **M** và ông **N** đã trả hết nợ cho ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà **M**, ông **N** có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà **M** nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông **N** nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ, ông **N** thường xuyên uống rượu và không quan tâm, chăm sóc gia đình, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ. Đồng thời, bà **M** và ông **N** đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và ông **N** cũng đồng ý ly hôn với bà **M** nên yêu cầu của bà **M** về việc ly hôn với ông **N** là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Bà **M** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Thị Yến L**, sinh ngày: 09/09/2006, giới tính: nữ là có cơ sở chấp nhận vì: từ khi vợ chồng sống ly thân thì bà **M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **L** và cháu **L** có nguyện vọng sống chung với mẹ để mẹ chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo vật chất lẫn tinh thần. Ông **N** cũng đồng ý để bà **M** chăm sóc nuôi dưỡng cháu **L**. Do đó, yêu cầu

của bà **M** có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Còn con chung tên **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh ngày: 09/09/2003, giới tính: nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng và tài sản chung: Bà **M** không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông **Nguyễn Văn N** trú tại **ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà **M** với ông **N** là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, ông **N** không quan tâm gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà **M** với ông **N** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, ông **N** cũng đồng ý ly hôn với bà **M**.

Do đó, bà **M** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà **M** và ông **N** có hai con chung tên **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh ngày: 24/5/2003, giới tính: nữ và **Nguyễn Thị Yến L**, sinh ngày: 09/9/2006, giới tính: nữ. Bà **M** có nguyện vọng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung **Yến L**.

Xét thấy: Bà **M** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **L** đảm bảo tốt về mọi mặt, bà **M** có thu nhập ổn định. Đồng thời, cháu **L** có nguyện vọng sống chung với bà **M** nên giao cho bà **M** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **L** là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh ngày: 24/5/2003, giới tính: nữ đủ tuổi trưởng thành, có thể sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: **Ngân hàng C** xác nhận bà **M** và ông **N** đã trả hết nợ và xin không tham gia tố tụng nên không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà **Trần Thị M** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Ông **Nguyễn Văn N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà **Trần Thị M** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn N**.

2. Về con chung: Bà **Trần Thị M** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Nguyễn Thị Yến L**, sinh ngày: 09/9/2006, giới tính: nữ.

Ông **Nguyễn Văn N** không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở ông **Nguyễn Văn N** thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Bà **Trần Thị M** phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002021 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà **M** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông **Nguyễn Văn N** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; (**Đã ký**)
- Chi cục THADS;
- UBND xã Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Dũng